

CÔNG TY TNHH HÓA DƯỢC HC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HÓA DƯỢC HC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HC MEDICINAL CHEMISTRY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HC MEDICINAL CHEMISTRY CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110490413

3. Ngày thành lập: 28/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Yên Vĩnh, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984062733

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ Hoạt động của các đấu giá viên)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn cà phê, chè	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn cà phê, chè	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán trang thiết bị y tế	4659
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn dầu thơm và hương liệu. Bán buôn các sản phẩm từ nhựa, thiết bị, nguyên vật liệu và phụ gia ngành nhựa;	4669(Chính)
9.	Trồng lúa	0111
10.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
11.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
12.	Trồng cây mía	0114
13.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
14.	Trồng cây lấy sợi	0116
15.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
19.	Trồng cây điều	0123
20.	Trồng cây hồ tiêu	0124
21.	Trồng cây cao su	0125
22.	Trồng cây cà phê	0126
23.	Trồng cây chè	0127
24.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
25.	Trồng cây lâu năm khác	0129
26.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
27.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
28.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
29.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
30.	Chăn nuôi gia cầm	0146
31.	Khai thác thủy sản biển	0311
32.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
33.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
34.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.	8299
36.	Giáo dục nhà trẻ	8511
37.	Giáo dục mẫu giáo	8512
38.	Giáo dục tiểu học	8521
39.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
40.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
41.	Đào tạo sơ cấp	8531
42.	Đào tạo trung cấp	8532
43.	Đào tạo cao đẳng	8533
44.	Đào tạo đại học	8541
45.	Đào tạo thạc sĩ	8542
46.	Đào tạo tiến sĩ	8543
47.	Giáo dục thể thao và giải trí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	8551
48.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	8552

49.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
50.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
51.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn pháp luật) Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
53.	Quảng cáo Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
54.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ	7710
55.	Bán buôn tổng hợp	4690
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
57.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
58.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	0810
59.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	0891
60.	Khai thác và thu gom than bùn (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	0892
61.	Khai thác muối	0893
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
63.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
64.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
65.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
66.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
67.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
68.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
69.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
70.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
71.	Sản xuất đường	1072
72.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
73.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
74.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

75.	Sản xuất chè	1076
76.	Sản xuất cà phê	1077
77.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cà phê, từ chè và đồ pha kèm, trà thảo dược, gia vị.	1079
78.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
79.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
80.	Sản xuất rượu vang	1102
81.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
82.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
83.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
84.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
85.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
86.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
87.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
88.	In ấn	1811
89.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
90.	Sao chép bản ghi các loại	1820
91.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
92.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
93.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại hương liệu chiết xuất từ tự nhiên, sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng trong hóa mỹ phẩm và thực phẩm; sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất. - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su; - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp;	2029
94.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
95.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
96.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
97.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ nhựa, nhựa phụ gia, hạt nhựa, sản xuất bao bì nhựa;	2220
98.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
99.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
100.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

101.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
102.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
103.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
104.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
105.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
106.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
107.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4789
108.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
109.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
110.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5510
111.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
112.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
113.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	7830
114.	Đại lý du lịch	7911
115.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
116.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
117.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TÔ ĐẠO CUÔNG	Việt Nam	Tổ 102, khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	100.000.000	50,000	022080008495	
2	TRẦN THỊ HOA	Việt Nam	Thôn Đại Tự, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000	50,000	036178000164	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/11/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036178000164

Ngày cấp: 14/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đại Tự, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đại Tự, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội